

Bản án số: 110/2021/DS-ST  
Ngày: 12-5-2021  
V/v tranh chấp hợp  
đồng dân sự về vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Tố Nhân.

*Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Hồ Thị Lệ Thu

2/ Ông Nguyễn Hòa Bình

**Thư ký Tòa án:** Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 387/2020/TLST-DS ngày 27/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP xăng dầu P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Định.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 16, 23, 24 Tòa nhà Mitec, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ Chi nhánh Sài Gòn: Số 2.5-2.8 Phan Xích Long, Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Sang, sinh năm 1981 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số: 711/2020/UQ-PGB.SG, ngày 22/6/2020 của Ngân hàng TMCP xăng dầu P Chi nhánh Sài Gòn).

Bị đơn: Bà Đinh Thị Li N, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 362/8 đường Nguyễn Văn Linh, tổ 34, khu phố 4, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2020 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP xăng dầu P và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nội dung vụ án thể hiện:

Ngày 10/3/2014 bà Đinh Thị Li N đề nghị Ngân hàng TM CP xăng dầu Petrolimex chi nhánh Sài Gòn (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) phát hành thẻ tín dụng quốc tế theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, Điều kiện điều khoản kèm hợp

đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Ngân hàng đã chấp thuận đề nghị của bà N và cấp thẻ tín dụng cho bà N với nội dung: Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng; Lãi suất: tính theo quy định của Ngân hàng TM CP xăng dầu Petrolimex. Tính đến ngày 15/6/2020 tổng số tiền bà N còn nợ Ngân hàng số tiền là 41.253.228 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 29.500.000 đồng, nợ lãi là 11.753.228 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ nhưng bà N không hợp tác. Do bà N vi phạm các khoản cam kết về nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều kiện điều khoản kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện bà N để thu hồi nợ. Yêu cầu bà Đinh Thị Li N trả số tiền còn nợ tính đến ngày 15/6/2020 là 41.253.228 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 29.500.000 đồng, nợ lãi là 11.753.228 đồng (trong đó lãi trong hạn là 1.225.068 đồng, lãi quá hạn là 10.318.860 đồng và phí là 209.300 đồng). Trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Đinh Thị Li N đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu giữ nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bà Đinh Thị Li N trả số tiền còn nợ tính đến ngày 15/6/2020 là 41.253.228 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 29.500.000 đồng, nợ lãi là 11.753.228 đồng (trong đó lãi trong hạn là 1.225.068 đồng, lãi quá hạn là 10.318.860 đồng và nợ phí là 209.300 đồng). Trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vì vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà N trả số tiền vay còn nợ, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn bà N cư trú tại Quận 7 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét xử vắng mặt bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết, tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Đinh Thị Li

N, và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt. Mặt khác bà N có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số 362/8 đường Nguyễn Văn Linh, tổ 34, khu phố 4, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng theo kết quả xác minh của Công an phường Bình Thuận, Quận 7 thì “*bà N không thực tế cư trú tại địa phương*”. Do đó căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và theo hướng dẫn tại Điều 5 và 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*...trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nơi cư trú làm cho người khởi kiện không biết nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với người khởi kiện.... thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung*”. Như vậy, bà N đã thay đổi chỗ ở mà không thông báo cho nguyên đơn biết là cố tình che giấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, Điều kiện điều khoản kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PG Bank Visa được ký bởi nguyên đơn và bị đơn, hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, có cơ sở để xác định bị đơn bà N có sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP xăng dầu P và có trả tiền lãi. Nên xác định việc giao dịch giữa bà N và Ngân hàng là giao dịch dân sự về vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Do bà N đã dùng hết số tiền 29.500.000 đồng và chưa trả cho nguyên đơn đồng nào, nên Ngân hàng yêu cầu bà N trả số tiền gốc này là có cơ sở.

Theo quy định tại Điều 471, và 474 Bộ luật dân sự năm 2005 “*bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”, do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi và phí của nguyên đơn đối với bị đơn: Ngày 26/5/2014 bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng chuyển số tiền nợ sang nợ quá hạn. Lãi suất trong hạn là 23%/năm, lãi suất quá hạn là 34,5%/năm. Tại Điều 6 của Điều kiện điều khoản kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PG Bank Visa nêu trên có quy định về lãi và phí: “*Lãi được tính trên số tiền giao dịch của Thẻ; Chủ thẻ phải chịu phí rút tiền, phí chuyển đổi ngoại tệ và lãi trên số tiền rút kể từ ngày giao dịch được cập vào hệ thống quản lý của Ngân hàng đến ngày Chủ thẻ thanh toán toàn bộ số tiền giao dịch*”. Tính đến ngày 15/6/2020 bị đơn nợ số tiền lãi và phí là 11.753.228 đồng, trong đó tiền lãi trong hạn là 1.225.068 đồng, tiền lãi quá hạn là 10.318.860 đồng và nợ phí là 209.300 đồng, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 11.753.228 đồng là phù hợp và có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn chỉ tính lãi đối với bị đơn từ ngày vi phạm cho đến ngày 15/6/2020 và không yêu cầu bị đơn trả lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những nhận định trên có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP xăng dầu P, buộc bà N phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số

tiền vay còn nợ là 41.253.228 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 29.500.000 đồng, nợ lãi và phí là 11.753.228 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mức án phí là 5% giá trị tài sản có tranh chấp (41.253.228 đồng x 5% = 2.062.661 đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP xăng dầu P. Buộc bị đơn bà Đinh Thị Li N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP xăng dầu P số tiền vay còn nợ là 41.253.228 đồng (bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi ba ngàn hai trăm hai mươi tám đồng), gồm tiền nợ gốc là 29.500.000 đồng, nợ lãi và phí là 11.753.228 đồng. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm là 2.062.661 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi hai ngàn sáu trăm mười một đồng), bị đơn bà Đinh Thị Li N phải chịu.

[3] Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP xăng dầu P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.032.000 đồng (một triệu không trăm ba mươi hai ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0041646 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đường sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Tố Nhân**